TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG LÁT** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/HS-ST
Ngày 06 và 07 - 11 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Văn Cường

2. Ông Hoàng Văn Hào

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Hằng, Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 và 07 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 43/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2019; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 45/2019/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hạng A L** - Sinh năm 1986.

Nơi sinh: Huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Nơi ĐKHKTT và nơi ở hiện nay: Bản Cặt, xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Trình độ học vấn: 2/12; Con ông: Hạng A L, đã chết; Con bà: Cứ Thị P, sinh năm 1950; Vợ: Sung Thị C, sinh năm 1986; Con: Có 05 con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2019.

Tiền án: 01 (Một). Ngày 29/9/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Mường Lát xử phạt 28 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", đến ngày 24/4/2014 chấp hành xong hình phạt từ trở về địa phương sinh sống.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/6/2019 chuyển tạm giam ngày 20/6/2019 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Hà Văn Khôi, Trợ giúp viên pháp lý, Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 1, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Sung Thị C, sinh năm 1986.

Trú tại: Bản Cặt, xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16^h 00 phút ngày 14/6/2019, Hạng A L điều khiển xe máy mang BKS 36R6-9175 đi từ nhà ở bản Cặt, xã Nhi Sơn chở theo vợ là Sung Thị C đi xuống nhà Thao Văn D ở bản Kéo Té, xã Nhi Sơn để hỏi tiền nợ. Khi L và vợ đi đến khu vực Cầu G9 hay còn gọi là Cột mốc 311 thuộc địa phận bản Kéo Hượn, xã Nhi Sơn thì L xuống xe, còn vợ L tiếp tục điều khiển xe máy đi xuống bản Kéo Té để hỏi tiền nợ. Tại Cầu G9, Hạng A L đã gặp người đàn ông dân tộc Thái đang bán dưa ở đây và hỏi mua ma túy của người đàn ông này, mục đích mua ma túy đem về sử dụng dần. Người đàn ông này đã đồng ý bán cho L 01 gói nilon màu hồng, bên trong là lớp nilon màu đen chứa 02 gói nilon màu xanh, bên trong mỗi gói nilon màu xanh đều chứa 02 viên hồng phiến màu xanh và 198 viên hồng phiến màu hồng, tổng cộng là 400 (Bốn trăm) viên ma túy, với số tiền là 400.000 (Bốn trăm nghìn) Kíp Lào. Lúc này, L chưa có tiền để trả cho người đàn ông này, nên đã xin nợ lại và hẹn khi nào có sẽ trả ngay, người đàn ông này đồng ý. Lấy được ma túy, L gọi điện cho vợ quay lại đón L để 02 vợ chồng tiếp tục đi hỏi tiền nợ tiếp, do lúc L xuống xe thì vợ L đã đến nhà Thao Văn D nhưng D không có nhà, nên sau khi quay lại đón L thì L và vợ lại tiếp tục đi xuống nhà Thao Thị D ở bản Táo, xã Trung Lý để vay tiền. Khi L và vợ đi đến khu vực Kéo Cưa, xã Trung Lý, huyện Mường Lát thì Hạng A L và vợ bị Tổ công tác Công an huyện Mường Lát yêu cầu dừng xe để kiểm tra, do hoảng sợ nên L đã thả gói ma túy vừa mua được đang cầm ở tay trái xuống đất, nhưng Tổ công tác đã phát hiện và yêu cầu Hạng A L nhặt lên, L khai nhận đó là ma túy mà L vừa mua được của một người đàn ông dân tộc Thái tại Cầu G9. Tổ Công tác Công an huyện Mường Lát tuyên bố bắt quả tang Hạng A L về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ toàn bộ tang vật và 01 xe máy.

Tại Bản kết luận giám định số: 1530/PC09 ngày 18/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận:

396 (Ba trăm chín sáu) viên nén, màu đỏ, trên bề mặt có ký hiệu chữ "WY" của phong bì niêm phong, mặt trước ghi "Vật chứng thu giữ của Hạng A L" gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 38,801g (Ba mươi tám phẩy tám không một gam) loại: Methamphetamine.

04 (Bốn) viên nén hình trụ tròn, màu xanh, một mặt ký hiệu chữ "A", một mặt ký hiệu chứ "YI" của phong bì niêm phong, mặt trước ghi "Vật chứng thu giữ của Hạng A L" gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,381g (Không phẩy ba trăm tám mươi mốt gam) loại: Methamphetamine.

Tại Cáo trạng số 45/CT-VKS-ML ngày 14/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố bị cáo Hạng A L về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 3 điều 249 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa, tranh luận và luận tội: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra, bị cáo đã có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố Bị cáo Hạng A L phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng: Điều 38; Điểm s khoản 1 điều 51; Điểm h khoản 1 điều 52; Điểm b khoản 3 điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đề nghị hình phạt đối với bị cáo Hạng A L từ **10** năm **06** tháng đến **11** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, vì bị cáo làm nghề trồng trọt, không có thu nhập ổn định và là người nghiện chất ma túy.

Vật chứng: Số ma túy thu giữ của bị cáo còn lại sau giám định là vật chứng của vụ án, tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định.

Bị cáo xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo không bị Cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng biện pháp ép cung, bức cung hay nhục hình, việc bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy chỉ mình bị cáo thực hiện, không ai biết, mục đích là mua ma túy đem về sử dụng dần cho bản thân, không có mục đích nào khác và khai nhận biết rõ hành vi tàng trữ chất ma túy là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng do bản thân bị nghiện chất ma túy từ năm 2008, không kìm chế được bản thân, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã nêu là đúng, bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới.

Người bào chữa cho bị cáo đồng tình với quan điểm truy tố của VKS về tội danh, điều luật áp dụng và khung hình phạt. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, Bị cáo lại là người dân tộc thiểu số, từ nhỏ đã sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Nên đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng một mức án thấp nhất có thể, để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình, xã hội và trở thành công dân có ích, vẫn có tính phòng ngừa chung; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền vì bị cáo làm nghề trồng trọt, không có thu nhập ổn định, lại là người nghiện chất ma túy.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sung Thị C trình bày: Chị là người đi cùng với chồng là Hạng A L từ nhà đến Cầu G9, mục đích chị đi với chồng là đi hỏi tiền nợ, từ lúc đi cho khi đến khi chồng chị bị bắt thì chị không nghe chồng nói đến việc mua ma túy hay tàng trữ ma túy. Chị cũng không hay biết việc chồng chị mua được ma túy. Đến khi bị Công an yêu cầu dùng xe kiểm tra thì chị mới biết chồng chị là Hạng A L tàng trữ trái phép chất ma túy. Đối vơi chiếc xe máy bị thu giữ là xe nhãn hiệu HONDA, loại Wave α màu đen trắng, biển kiểm soát 36R6-9175, nguồn gốc

chiếc xe này là do chị bán lúa, bán ngô để lấy tiền mua xe, khi mua xe anh Lâu đang đi tù nên không có đóng góp gì, chị mua lại chiếc xe này của bà Lê Thị H vào năm 2018 với số tiền là 5.500.000^{đ}. Hiện nay, chị đã được nhận lại chiếc xe này, không có đề nghị gì về trách nhiệm dân sự đối với anh Lâu.

Tại phiên tòa Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS, đồng tình với lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo, không bổ sung thêm tình tiết mới.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất ân hận về việc làm của mình, vì là người nghiện chất ma túy nên không làm chủ được bản thân, mục đích mua ma túy về để sử dụng dần, không có mục đích nào khác. Mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo một mức án thấp nhất có thể, để bị cáo sớm được về với gia đình, xã hội và sẽ trở thành người công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều 37 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các tài liệu, chứng cứ được thu thập theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Nên các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Đánh giá chứng cứ; yêu cầu; đề nghị của Kiểm sát viên; hành vi của bị cáo: Tại phiên toà bị cáo Hạng A L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với các lời khai của bị cáo tại biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản lấy mẫu giám định; Biên bản mở niêm phong xác định khối lượng và trích mẫu giám định; Biên bản niêm phong vật chứng; Bản kết luận giám định; Biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và được Hội đồng xét xử thẩm tra công khai tại phiên toà. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 16^{h} ngày 14/6/2019 Hạng A L đi xe máy từ nhà chở vợ đi cùng, mục đích đi hỏi tiền nợ ở bản Kéo Té, xã Nhi Sơn, khi hai vợ chồng đi đến Cầu G9 thì Hạng A L xuống xe và cho vợ đi hỏi tiền nợ trước. Tại cầu G9, Hạng A L đã mua ma túy của một người đàn ông dân tộc Thái không biết tên đang bán dưa bên đường, với số tiền là 400.000 Kíp Lào (Lâu mau nợ), được 01 gói nilon màu hồng, bên trong có 02 gói nilon màu xanh, mỗi gói đều chứa 02 viên màu xanh và 198 viên màu hồng, tổng cộng là 400 viên ma túy tổng hợp. Khi mua được ma túy, L gọi điện cho vợ quay lại Cầu G9 để đón L và cùng đi xuống bản Táo, xã Trung Lý để hỏi vay tiền. Khi Hạng A L và vợ đi đến khu vực Kéo Cưa, thuộc bản Táo, xã Trung Lý thì bị bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tổng khối lượng số

Methamphetamine bị cáo Hạng A L tàng trữ trái phép bị thu giữ là: 39,182g (*Ba mươi chín phẩy một trăm tám mươi hai gam).*

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách quản lý đọc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy, làm ảnh hưởng không những đến sức khỏe của người nghiện, mà ảnh hưởng tới kinh tế của gia đình người nghiện, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo là người có đủ năng lực để chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội của mình. Sau khi xem xét về hành vi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự, chất ma túy, khối lượng ma túy được quy định tại điểm b, khoản 3 điều 249 Bộ luật hình sự, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, HĐXX kết luận: Quan điểm truy tố của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội và tại phiên tòa, bị cáo đã "thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" về hành vi phạm tội của mình, nên HĐXX cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS. Ngày 29/9/2016 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, xử phạt 28 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", ngày 24/4/2018 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương sinh sống, chưa được xóa án tích, nhưng không lấy đó làm bài học đắt giá cho bản thân, không chịu tu dưỡng, không cai nghiện, lại tiếp tục tái nghiện chất ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng cho bản thân, bị bắt quả tang, nên HĐXX buộc Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng TNHS quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 BLHS.

Vì vậy, để phù hợp với tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, cần phải xét xử nghiêm minh, áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình, xã hội và để bị cáo có điều kiện cai nghiện ma túy.

[4] Về hình phạt chính và hình phạt bổ sung:

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về mức hình phạt cho bị cáo là chưa phù hợp với hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội đã có tiền án về ma túy và khối lượng chất ma túy thu giữ, chưa đủ sức răn đe, phòng ngừa. Nên HĐXX quyết định áp dụng hình phạt cao hơn mức đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản theo quy định tại khoản 5 điều 249 BLHS.Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, cho thấy bị cáo làm nghề trồng trọt, thu nhập không ổn định, nguồn thu chủ yếu từ nương rẫy, bản thân lại là người nghiện ma túy, vợ không có việc làm, đông con và đang còn nhỏ. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án và Trách nhiệm dân sự: Chất ma túy thu giữ của bị cáo còn lại sau giám định là vật chứng của vụ án, là chất Nhà nước cấm lưu hành, tịch thu hiêu hủy.

Chấp nhận việc cơ quan CSĐT đã trải lại 01 xe máy cho chị Sung Thị C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, nên HĐXX không xét.

[6] Về án phí, quyền kháng cáo và kháng nghị: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Bị cáo và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

[7] Các nhận định khác:

Đối với người đàn ông dân tộc Thái đã bán ma túy cho Hạng A L, nhưng Lâu không biết tên, địa chỉ cũng không nhớ được điểm gì đặc trưng. Nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát không thể xác minh làm rõ.

Đối với Sung Thị C là vợ của bị cáo Hạng A L, đi cùng với L từ nhà đến Cầu G9 và đi cùng Hạng A L khi bị cáo bị thu giữ ma túy, nhưng Sung Thị C không biết Hạng A L mua ma túy khi nào và Hạng A L cũng không nói cho Sung Thị C biết. Nên Sung Thị C không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự;

Điểm b, khoản 3 điều 249; Điều 38; Điểm s khoản 1 điều 51; Điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo **Hạng A L** phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

Hình phạt: Xử phạt Bị cáo **Hạng A L 12** (Mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (14/6/2019).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Vật chứng: Áp dụng điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ 01 phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, ghi vụ Hạng A L được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đăng, Lê Minh Tiến, Lương Xuân Minh. Phong bì niêm phong còn nguyên vẹn.

Vật chứng kể trên hiện đang lưu giữ, bảo quản tại kho tang vật của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/10/2019 giữa Công an huyện Mường Lát và Chi cục THADS huyện Mường Lát.

Về án phí: Áp dụng điều 135, khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1, điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Buộc Bị cáo Hạng A L phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng chẵn) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án căn cứ điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Kháng cáo, Kháng nghị: Căn cứ điều 331, điều 333 và điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Án xử công khai; Có mặt bị cáo; Người bào chữa cho bị cáo và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Bị cáo và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV-THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân huyện Mường Lát;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT- Công an H. Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã Nhi Sơn, H.Mường Lát;
- Bị cáo Hạng A L;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Dũng